TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN L
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **266/**2018/QĐST-HNGĐ

L, ngày 27 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: **251/**2018/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Mạnh T – Sinh năm: 1984

HKTT: Số 130 đường C, phường Th, quận H, TP. Hải Phòng.

Địa chỉ hiện nay: Phòng 1201 Chung cư H1, Tổ 04 phường T1, quận L, TP. Hà Nội.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ V – Sinh năm: 1985

HKTT: Số 105/3 Nhà NT - TT số 06 L1, phường L2, quận Đ, TP. Hà Nội.

Địa chỉ hiện nay: Phòng 1201 Chung cư H1, Tổ 04 phường T1, quận L, TP. Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **19/6/2018**.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **19/6/2018** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07 (Bảy)** ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Thị Mỹ V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Anh T và chị V xác định có 01 (Một) con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thảo N – Sinh ngày: 03/11/2016. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Giao cháu N cho chị V trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng *(Năm triệu đồng/một tháng)* từ tháng 7/2018 đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Anh T và chị V được quyền tự do đi lại, chăm sóc các con chung; không ai được ngăn cản.

2.2. *Về tài sản chung, nhà ở và công nợ*: Hai anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2.3. *Về án phí:* Anh T và chị V mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi năm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; ngoài ra anh T còn chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi năm nghìn đồng)* án phí của chị V. Tổng cộng anh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0368 ngày 07/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, TP. Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên;
- Ủy ban nhân dân phường L2, quận Đ, Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thu Hằng